

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
HỒ VĂN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Hồ Văn Long
Năm học: 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	HS hoàn thành chương trình bậc Tiểu học vào lớp 6			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT TPHCM.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THCS, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đội, Đoàn, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, Hội khỏe Phù đồng, ...).			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm học sinh: đạt 100% TB trở lên; Học tập: phần đầu trên 98.2% lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh. - Đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.			
VI	Khả năng tiếp tục học tập của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn.			

Bình Tân, ngày 28 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Minh Trí

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Hồ Văn Long
Năm học: 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2293	709	496	626	462
1	Tốt	2103	678	465	548	412
	(tỷ lệ so với tổng số)	91.7	95.6	93.8	87.5	89.2
2	Khá	184	31	30	77	46
	(tỷ lệ so với tổng số)	8.0	4.4	6.0	12.3	10.0
3	Trung bình	5	0		1	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0.0	0.0	0.2	0.9
4	Yếu	1		1		
	(tỷ lệ so với tổng số)		0.0	0.2	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo học lực	2293	709	496	626	462
1	Giỏi	667	214	157	184	112
	(tỷ lệ so với tổng số)	29.1	30.2	31.7	29.4	24.2
2	Khá	936	310	211	242	173
	(tỷ lệ so với tổng số)	40.8	43.7	42.5	38.7	37.4
3	Trung bình	628	162	117	174	175
	(tỷ lệ so với tổng số)	27.4	22.8	23.6	27.8	37.9
4	Yếu	60	23	11	24	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.6	3.2	2.2	3.8	0.4
5	Kém	2			2	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.1	0.0	0.0	0.3	0.0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	2231	686	485	600	460
	(tỷ lệ so với tổng số)	97.3	96.8	97.8	95.8	99.6
a	Học sinh giỏi/HS xuất sắc	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
b	Học sinh tiên tiến/HS giỏi	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	Thi lại	58	23	11	24	
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.5	3.2	2.2	3.8	0.0
3	Lưu ban	4	0	0	2	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0.0	0.0	0.3	0.4
4	Chuyển trường đến/đi	29/65	16/25	5/19	6/14	2/7
	(tỷ lệ so với tổng số)					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	15	2	2	7	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.7	0.3	0.4	1.1	0.9
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận	22	4	2	1	15
2	Cấp tỉnh/thành phố	5	1			4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	462				462
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	460				460
1	Giỏi	111				111
	(tỷ lệ so với tổng số)	24.0				24.0
2	Khá	174				174
	(tỷ lệ so với tổng số)	37.7				37.7
3	Trung bình	175				175
	(Tỷ lệ so với tổng số)	37.9				37.9
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1199/1094	385/324	275/221	312/314	227/235
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	147	37	42	38	30

Bình Tân, ngày 28 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Minh Trí

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Hồ Văn Long
Năm học: 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	40	48/44
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	7	84/44
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	53/40	53/40
8	Bình quân học sinh/lớp	2327/53	44
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8815.80	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2153.20	
VI	Tổng diện tích các phòng	3679.2	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2265.6	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	516	
3	Diện tích thư viện (m ²)	302.4	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	512	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	83.2	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	2 bộ/khối	
1.1	Khối lớp 6	2	
1.2	Khối lớp 7	3	
1.3	Khối lớp 8	2	
1.4	Khối lớp 9	2	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	90	Số học sinh/bộ môn
	(Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Laptop	7	
6	Chụp hình		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Laptop	7	
6	Chụp hình		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú: Nghỉ tại lớp	11	454	1.6
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	16	8 Nam / 8 Nữ		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bình Tân, ngày 27 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Minh Trí

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS Hồ Văn Long

Năm học: 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	82	0	4	70	4	1	3	39	35	0	0	0	0	0
I	Giáo viên	71	0	1	68	2	0	0	38	33	0	0	0	0	0
1	Toán	13			13				6	7					
2	Lý	2			2				2						
3	Hóa	4			4				3	1					
4	Sinh	5			5				3	2					
5	Văn	10		1	9				5	5					
6	Tiếng Anh	10			10				5	5					
7	Sử	4			4				1	3					
8	Địa	4			4				2	2					
9	GDCD	3			3				2	1					
10	Công nghệ	5			4	1			3	2					
11	Tin học	1			1					1					
12	Âm nhạc	2			1	1			1	1					

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
13	Mĩ thuật	2			2				1	1					
14	Thể dục	5			5				3	2					
15	Tổng phụ trách	1			1				1						
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0
	Hiệu trưởng	1		1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1					
III	Nhân viên	8	0	0	2	2	1	3	0	0	0	0	0	0	0
	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								
9	Nhân viên bảo vệ	3						3							

Bình Tân, ngày 28 tháng 6 năm 2023
 Hiệu trưởng đơn vị

 Phạm Minh Trí